

Số: 1096/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 02 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1921/TTr-STNMT ngày 29/5/2023 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 08 thủ tục hành chính đã được ban hành kèm theo Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, gồm: Thủ tục Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm, Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới

3.000 m³/ngày đêm, Thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm, Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm, Thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm, Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm, Thủ tục Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ, Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.

Việc yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình các loại giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú thực hiện theo quy định của Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP (Cục KSTTHC);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP11.

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày _____ tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	- Thời hạn kiểm tra phương án: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án cấm mốc giới của tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa. - Thời hạn thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, phê duyệt phương án: 30 ngày làm việc kể từ ngày phương án đạt yêu cầu. - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.

		Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.		Nam Định	
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.
4	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ / ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và	Theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-

		vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	HTDN tỉnh	HĐND tỉnh Nam Định	CP ngày 12/5/2023.
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.
6	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	Trung tâm phục vụ	Theo quy định tại Nghị quyết	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

	cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ / giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn thẩm định báo cáo: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh: 18 ngày làm việc. - Thời hạn trả giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép.	hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.
7	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Quyết định cấp phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép. Trường hợp không chấp nhận cấp phép: 02 ngày làm việc ra thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.

8	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Quyết định cấp phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép. Trường hợp không chấp nhận cấp phép: 02 ngày làm việc ra thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép.	Trung tâm phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ- HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định	- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.
---	---	---	---	---	---